

Số: 161 /XN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0158.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân

Địa điểm lấy mẫu : Xí Nghiệp Cấp Nước KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 12/4/2021

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ)

Lượng mẫu : 1,5L + 250mL

Ngày nhận mẫu : 12/04/2021

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hóa chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 13/04/2021      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 13/04/2021      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,48                | 2                   | 13/04/2021      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | Phương pháp DPD                                       | 0,36                | 0,3 - 0,5           | 13/04/2021      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 -Cl <sup>-</sup> B - 2017 (*)              | 230,00              | 250,00              | 13/04/2021      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2017 (*)                                | 292,00              | 300,00              | 13/04/2021      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2017                                    | 0,15                | 2                   | 13/04/2021      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2017 (*)                                | 2,14                | 15                  | 13/04/2021      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)                          | 0,05                | 0,3                 | 13/04/2021      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 13/04/2021      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180 - 1996                                      | 1,08                | 50                  | 13/04/2021      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2017 (*) | 0,04                | 3                   | 13/04/2021      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,52                | 6,5 - 8,5           | 13/04/2021      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2017                              | 0,02                | 0,3                 | 13/04/2021      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | EPA 1997 - 375.4                                      | 183,9               | 250                 | 13/04/2021      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

**Nhận xét:** Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN (NƯỚC SAU XỬ LÝ) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0158.21

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày<br>xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|--------------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|--------------------|

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN



ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 4 năm 2021

KI. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Võ Quang Hà

Số: 162 /XN-KSBT

**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
Mã số mẫu: 0159.21



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Người lấy mẫu : Nguyễn Kinh Luân

Địa điểm lấy mẫu : Trạm 3 giếng, KCN An Nghiệp, phường 7, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 12/4/2021

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN (TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC)

Lượng mẫu : 1,5L + 250mL

Ngày nhận mẫu : 12/04/2021

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 250mL, không bổ sung hóa chất cố định.

**KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**

| Stt | Chỉ tiêu                                              | Phương pháp                                           | Kết quả             | Tiêu chuẩn          | Ngày xét nghiệm |
|-----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------|
| 1   | Coliforms tổng số (CFU/100mL)                         | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 13/04/2021      |
| 2   | Escherichia coli (CFU/100mL)                          | ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)                             | 0                   | 0                   | 13/04/2021      |
| 3   | Chỉ số pecmanganat (mg/L)                             | TCVN 6186- 1996 (*)                                   | 0,32                | 2                   | 13/04/2021      |
| 4   | Clo dư (mg/L)                                         | Phương pháp DPD                                       | 0,45                | 0,3 - 0,5           | 13/04/2021      |
| 5   | Clorua (mg/L)                                         | SMEWW 4500 - Cl <sup>-</sup> B - 2017 (*)             | 228,00              | 250,00              | 13/04/2021      |
| 6   | Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L) | SMEWW 2340C - 2017 (*)                                | 280,00              | 300,00              | 13/04/2021      |
| 7   | Độ đục (NTU)                                          | SMEWW 2130B - 2017                                    | 0,14                | 2                   | 13/04/2021      |
| 8   | Độ màu (màu sắc) (TCU)                                | SMEWW 2120C - 2017 (*)                                | 3,04                | 15                  | 13/04/2021      |
| 9   | Mangan tổng số (mg/L)                                 | SMEWW 3500 Mn - B - 2017 (*)                          | 0,04                | 0,3                 | 13/04/2021      |
| 10  | Mùi vị                                                | Cảm quan                                              | Không có mùi, vị lạ | Không có mùi, vị lạ | 13/04/2021      |
| 11  | Nitrate (mg/L)                                        | TCVN 6180 - 1996                                      | 1,29                | 50                  | 13/04/2021      |
| 12  | Nitrite (mg/L)                                        | SMEWW 4500- NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> B - 2017 (*) | 0,02                | 3                   | 13/04/2021      |
| 13  | pH                                                    | TCVN 6492:2011 (*)                                    | 7,86                | 6,5 - 8,5           | 13/04/2021      |
| 14  | Sắt tổng cộng (mg/L)                                  | SMEWW 3500 Fe - B - 2017                              | 0,03                | 0,3                 | 13/04/2021      |
| 15  | Sulphat (mg/L)                                        | EPA 1997 - 375.4                                      | 156,8               | 250                 | 13/04/2021      |

(\*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017

Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN ( TRÊN MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC) được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 01:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0159.21

| Stt | Chỉ tiêu | Phương pháp | Kết quả | Tiêu chuẩn | Ngày<br>xét nghiệm |
|-----|----------|-------------|---------|------------|--------------------|
|-----|----------|-------------|---------|------------|--------------------|

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN



Ths. QUÁCH VĨNH THUẬN



BS. CKII. Võ Quang Hà